

Số: ~~16~~24/KH-ĐHNLBG

Bắc Giang, ngày 19 tháng 9 năm 2018

KẾ HOẠCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI
KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1
(Thời gian thi: Chủ nhật, ngày 23 tháng 9 năm 2018)

I. LỊCH THI

Ngày	Buổi	Môn thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian Làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Chủ nhật 23/9/2018	Sáng	Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 (Bài 1: Đọc và viết, Bài 2: Nghe hiểu)	TA01	Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Đọc và Viết: 90' - Nghe hiểu: 35'	6h30'
		Tiếng Anh tương đương cấp độ B1 (Bài 3: Nói)	TA01	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01 (tầng 3, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5-7 phút - Thời gian hội thoại: 10-12 phút	9h45'

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN	CHỦ TRÌ
1	Họp Ban coi thi phân công nhiệm vụ	6h30' – 6h40'	Trưởng ban coi thi
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	6h40' – 6h45'	Ban Coi thi
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra	6h45' – 7h15'	Cán bộ coi thi

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN	CHỦ TRÌ
	thẻ dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên thẻ dự thi (nếu có). - Hướng dẫn học viên ghi các thông tin trên giấy thi và Phiếu trả lời		
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	7h15' – 7h20'	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	7h20' – 7h30'	Cán bộ coi thi 1
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài	7h30': Đọc và viết 9h00': Nghe hiểu	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi	9h35'	Cán bộ coi thi
8	Nộp bài thi, Biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi; và Ban thư ký
9	Thi kỹ năng nói (Hội thoại) tiếng Anh	Thí sinh phòng thi TA01 10h00'	
10	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngay sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG 



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1 - KHUNG CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 23 tháng 9 năm 2018

Phòng thi: TA01

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã số học viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE HIỂU		Thi NÓI		
									Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	Nguyễn Việt	Đức	1865	15/10/1982	Bắc Ninh	Nam	CH-QLKT 1A	16CH01005	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	Nguyễn Đức	Khôi	1866	14/05/1980	Bắc Giang	Nam	CH-QLĐĐ 1A	16CH04068	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	Nguyễn Thị	Lộc	1867	17/9/1990	Bắc Ninh	Nữ	CH-QLĐĐ 1A	16CH04073	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	Đàm Văn	Năm	1868	06/6/1984	Vĩnh Phúc	Nam	CH-QLĐĐ 1A	16CH04078	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	Đặng Huy	Phong	1869	12/12/1982	Bắc Giang	Nam	CH-CN 1A	16CH03053	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	Đỗ Thị	Quyên	1870	08/8/1984	Bắc Giang	Nữ	CH-KHCT 1A	16CH02046	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	Lương Ngọc	Quỳnh	1871	29/11/1984	Bắc Giang	Nữ	CH-QLKT 1A	16CH01024	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	Đỗ Thị Phương	Thảo	1872	15/8/1982	Bắc Giang	Nữ	CH-QLKT 1A	16CH01030	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	Trần Huy	Thọ	1873	03/10/1978	Bắc Giang	Nam	CH-KHCT 1A	16CH02050	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	Nguyễn Xuân	Trường	1874	01/5/1973	Bắc Giang	Nam	CH-QLKT 1A	16CH01036	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	Nguyễn Văn	Tú	1875	21/02/1982	Bắc Ninh	Nam	CH-QLĐĐ 1A	16CH04084	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	Đoàn Thanh	Tùng	1876	19/4/1988	Bắc Giang	Nam	CH-QLKT 1A	16CH01027	06h30'	PMKTTC	10h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 12 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC (Phòng máy Khoa Kinh tế - Tài chính, Tầng 3, Nhà B1)



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà

**DANH SÁCH PHÒNG THI TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1
PHÒNG THI: TA01**

1. Thi: **ĐỌC + VIẾT + NGHE HIỂU**

Thời gian: **06h30' ngày 23/9/2018**

Địa điểm: **Thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính**

Hình thức thi: **Trắc nghiệm và tự luận**

2. Thi: **NÓI**

Thời gian: **10h00 ngày 23/9/2018**

Địa điểm: **Phòng học lý thuyết 01**

Hình thức thi: **Vấn đáp**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
1	1865	Nguyễn Việt Đức	15/10/1982	CH-QLKT 1A	Bắc Ninh		
2	1866	Nguyễn Đức Khôi	14/05/1980	CH-QLĐĐ 1A	Bắc Giang		
3	1867	Nguyễn Thị Lộc	17/9/1990	CH-QLĐĐ 1A	Bắc Ninh		
4	1868	Đàm Văn Năm	06/6/1984	CH-QLĐĐ 1A	Vĩnh Phúc		
5	1869	Đặng Huy Phong	12/12/1982	CH-CN 1A	Bắc Giang		
6	1870	Đỗ Thị Quyên	08/8/1984	CH-KHCT 1A	Bắc Giang		
7	1871	Lương Ngọc Quỳnh	29/11/1984	CH-QLKT 1A	Bắc Giang		
8	1872	Đỗ Thị Phương Thảo	15/8/1982	CH-QLKT 1A	Bắc Giang		
9	1873	Trần Huy Thọ	03/10/1978	CH-KHCT 1A	Bắc Giang		
10	1874	Nguyễn Xuân Trường	01/5/1973	CH-QLKT 1A	Bắc Giang		
11	1875	Nguyễn Văn Tú	21/02/1982	CH-QLĐĐ 1A	Bắc Ninh		
12	1876	Đoàn Thanh Tùng	19/4/1988	CH-QLKT 1A	Bắc Giang		

Tổng số thí sinh theo danh sách: Vắng: SBD vắng:

Tổng số bài thi Số tờ giấy thi

CÁN BỘ COI THI 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Nguyễn Quang Hà